

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2910/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 23 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh Quyết định số 2172/QĐ-UBND  
ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Xét đề nghị của Sở NN&PTNT tại Công văn số 2125/SNN-QBVPTR ngày 09/12/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh, cụ thể:

từ “Phê duyệt Kế hoạch chi bổ sung tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2013 với số tiền 6.986.679.843 đồng, cụ thể:

+ Chi thực hiện công tác khoán QLBR cho các chủ rừng: 6.601.190.559 đồng.

+ Chi hoạt động bộ máy Quỹ BV&PTR tỉnh (10%): 385.489.284 đồng”

**điều chỉnh thành** “Phê duyệt Kế hoạch chi bổ sung tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2013 với số tiền 6.178.998.701 đồng, cụ thể:

+ Chi thực hiện công tác khoán QLBR cho các chủ rừng: 5.793.509.417 đồng.

+ Chi hoạt động bộ máy Quỹ BV&PTR tỉnh (10%): 385.489.284 đồng

(Biểu chi tiết kèm theo)

- Lý do: thực hiện trích lập 5% quỹ dự phòng với số tiền: 807.681.142 đồng.

**Điều 2.** Giao Quỹ BV&PTR triển khai thực hiện các bước tiếp theo, chi bổ sung cho các đơn vị đảm bảo trình tự, thủ tục.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT, TN&MT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Hội đồng quản lý Quỹ BV&PTR, Giám đốc Quỹ BV&PTR; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các đơn vị cung ứng dịch vụ môi trường rừng; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTN;
- Lưu: VT (0.10/10)

10K



**CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Trai

**Biểu chi tiết kế hoạch chi bổ sung tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2013**  
**(Ban hành kèm theo Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh)**



TT	ĐỐI TƯỢNG	DIỆN TÍCH (ha)	ĐƠN GIÁ (đồng/ha)	SỐ TIỀN CHI (đồng)	GHI CHÚ
[A]	[B]	[1]	[2]	[3]=[1*2]	[4]
<b>I</b>	<b>Chi hỗ trợ công tác QL bảo vệ rừng (cho Chủ rừng là tổ chức)</b>				Theo Điều 15 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ.
1	Hạt Kiểm lâm Thị xã Phước Long	547	145.959	79.839.690	Thuộc lưu vực Sông Bé
2	Công ty TNHH MTV Cao Su Sông Bé	5.895,76	145.959	860.540.490	Thuộc lưu vực Sông Bé, Sông Đồng Nai
3	Công ty TNHH MTV Cao Su Phước Long	6.089	145.959	888.745.648	Thuộc lưu vực Sông Bé
4	Ban Quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập	24.855	145.959	3.627.816.240	Thuộc lưu vực Sông Bé
5	Ban QLRPH Bù Đăng (Nông lâm trường Cao su Đồng Nai)	2.305,9	145.959	336.567.349	Thuộc lưu vực Sông Đồng Nai
	<b>Tổng cộng</b>	<b>39.692,66</b>		<b>5.793.509.417</b>	Diện tích đã quy đổi theo hệ số K
<b>II</b>	<b>Chi hoạt động bộ máy Quỹ (10%)</b>			<b>385.489.284</b>	Tổng số tiền chi hoạt động bộ máy Quỹ năm 2013 (10% tổng thu) là 1.615.362.284 đồng (theo điểm a, khoản 2, Điều 15 - Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ), Trong năm 2013 đã thực hiện chi hoạt động bộ máy Quỹ là 1.229.873.000 đồng. Vì vậy, chi thêm 385.489.284 đồng.
<b>TỔNG CHI</b>				<b>6.178.998.701</b>	